TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST Ngày 12-01-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 373/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quốc K, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Bùi Quốc K quen biết tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 7 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước. Sau khi kết hôn,vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng để lại. Vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh K vay mượn tiền nhiều nơi để đánh bạc.

Chị và gia đình phải vay mượn để trả nợ cho anh. Mặc dù hứa hẹn thay đổi nhiều lần nhưng anh K không thay đổi. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quốc K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung tên là Bùi Bảo C, sinh năm 1999 và Bùi Quốc Anh, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu A và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu C đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị P được ly hôn, giao con chung cho chị Phượng chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Bùi Quốc K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K đang cư trú tại khu phố T 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh K.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị P cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Bùi Quốc K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 7 năm 2003 tại UBND thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước nên hôn nhân giữa chị P, anh K là hôn nhân hợp pháp. Chị P yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Là vợ chồng nhưng anh K không chăm lo cho đời sống kinh

tế gia đình còn cờ bạc vay mượn nợ. Chị P xin ly hôn, anh K cũng không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ. Hiện nay, tuy vẫn là vợ chồng nhưng giữa chị P, anh K không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị P, anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị P được ly hôn anh K.

[5] Về quan hệ con chung: Chị P, anh K có 02 con chung là Bùi Bảo C, sinh năm 1999 và Bùi Quốc Anh, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004. Hội đồng xét xử xét thấy chị P là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo điều kiện để cháu A được phát triển bình thường. Mặt khác, cháu A có nguyện vọng được sống cùng với chị P. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Bùi Quốc A cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Bùi Bảo C đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Bùi Quốc K.

2. Giao con chung là cháu Bùi Quốc A, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2004 cho chị Trần Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu A đang sống với chị P. Chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn

nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005924 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND TT Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên